Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-03 08:08:30 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 86/2026/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định danh mục đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định danh mục đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định danh mục đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Trại giam, trại tạm giam, phân trại tạm giam thuộc trại tạm giam trong Quân đội nhân dân.

2. Điểm lao động, dạy nghề cho phạm nhân.

3. Buồng điều trị cho phạm nhân trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Phạm nhân đang chấp hành án phạt tù.

5. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở giam giữ phạm nhân* là nơi tổ chức quản lý, giam giữ và giáo dục cải tạo phạm nhân, bao gồm: trại giam, trại tạm giam, phân trại tạm giam thuộc trại tạm giam trong Quân đội nhân dân.

2. *Nơi chấp hành án phạt tù* là nơi quản lý, giam giữ và giáo dục cải tạo phạm nhân, thực hiện chế độ đối với phạm nhân bao gồm: cơ sở giam giữ phạm nhân; điểm lao động, dạy nghề cho phạm nhân; buồng điều trị cho phạm nhân trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

3. *Đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù* là đồ vật khi đưa vào nơi chấp hành án phạt tù có thể gây mất an toàn cho cơ sở giam giữ phạm nhân, phạm nhân có thể sử dụng đồ vật đó để thực hiện hành vi vi phạm Nội quy cơ sở giam giữ phạm nhân, vi phạm pháp luật hoặc gây cản trở công tác quản lý giam giữ, hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

4. *Danh mục đồ vật cấm* là danh mục các đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù, trừ các đồ vật được Thủ trưởng cơ sở giam giữ phạm nhân đồng ý đưa vào để phục vụ yêu cầu công tác quản lý giam giữ, thực hiện chế độ đối với phạm nhân, bảo vệ cơ sở giam giữ hoặc phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị, hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng phải bảo đảm an toàn, đúng quy định.

Chương II
DANH MỤC ĐỒ VẬT CẤM ĐƯA VÀO NƠI CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ VÀ VIỆC THU GIỮ, XỬ LÝ ĐỒ VẬT CẤM

Điều 4. Danh mục đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù

1. Vũ khí quân dụng, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, súng săn, vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự và linh kiện để lắp ráp vũ khí; vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ.

2. Công cụ hỗ trợ: Các loại súng dùng để bắn đạn nhựa, nổ, cao su, hơi cay, pháo hiệu, hiệu lệnh, đánh dấu; súng bắn điện, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, laze, lưới; súng phóng dây mồi và các loại đạn sử dụng cho các loại súng này; các loại phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa; lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ; dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại; khóa số 8, bàn chông, dây đinh gai; áo giáp, găng tay điện, găng tay bắt dao; lá chắn, mũ chống đạn và công cụ hỗ trợ khác; công cụ khác có tính năng, tác dụng tương tự như công cụ hỗ trợ.

3. Các chất ma tuý và tiền chất; chất gây mê, chất độc, khí độc, chất phóng xạ; hoá chất độc hại, nguy hiểm.

4. Chất cháy, chất gây cháy, đồ vật gây cháy.

5. Thiết bị, linh kiện điện tử, thông tin liên lạc, phương tiện ghi âm, ghi hình, đồng hồ, trừ các trang thiết bị điện tử dùng trong y tế để bảo đảm sức khỏe cá nhân cho phạm nhân như: máy đo huyết áp, máy trợ thính, máy trợ tim và các loại máy phụ trợ khác theo quy định của pháp luật về y tế và được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ sở giam giữ phạm nhân.

6. Các thiết bị dùng để đun nấu, phích nước, đồ vật bằng kim loại, sành, sứ, đá, đất nung, thủy tinh; đồ vật sắc, nhọn và các đồ vật có thể làm hung khí; các loại dây phạm nhân có thể sử dụng để trốn khỏi nơi giam giữ hoặc gây tổn hại tính mạng, sức khỏe của phạm nhân hoặc người khác.

7. Thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thực phẩm chức năng chưa được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ sở giam giữ phạm nhân; rượu, bia, đồ uống có cồn, các loại thuốc lá, thuốc lào, xì gà và các chất kích thích khác.

8. Thực phẩm tươi sống hoặc thực phẩm đã qua sơ chế, chế biến nhưng không có điều kiện bảo quản, không bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

9. Giấy tờ tùy thân, giấy tờ về cư trú, bằng cấp, chứng chỉ và các giấy tờ chứng nhận khác.

10. Sách, báo, ấn phẩm không được in, phát hành hợp pháp; sách, báo, tài liệu, tranh, ảnh, phim, băng, đĩa có nội dung nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, truyền đạo trái phép, mê tín dị đoan, đồi trụy; sách, báo, tài liệu (in, viết, vẽ hoặc hình thức khác) gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý, giáo dục phạm nhân; các loại bài lá, phương tiện, công cụ có thể dùng để đánh bạc dưới mọi hình thức.

11. Tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ, giấy tờ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, thẻ ngân hàng, các loại thẻ thanh toán bằng hình thức điện tử.

12. Đồ vật khác có thể gây mất an toàn nơi chấp hành án phạt tù của phạm nhân, gây nguy hại cho bản thân phạm nhân và người khác, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường, sức khỏe của phạm nhân hoặc phạm nhân có thể sử dụng vào mục đích vi phạm nội quy, vi phạm pháp luật.

Điều 5. Phát hiện, thu giữ, bảo quản đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù

1. Khi phát hiện đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù, cán bộ có trách nhiệm phải lập biên bản vi phạm và thu giữ đồ vật cấm, yêu cầu người vi phạm làm bản tường trình, người liên quan và người biết việc (nếu có) làm tường trình, báo cáo. Trong biên bản thu giữ phải mô tả tên đồ vật cấm, xác định rõ số

lượng, khối lượng, chủng loại, hình dạng, kích thước, màu sắc, tình trạng và các đặc điểm khác của đồ vật cấm bị thu giữ. Những đồ vật nghi là vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, ma túy hoặc đồ vật khác có thể niêm phong được thì phải niêm phong, có chữ ký của người lập biên bản, người vi phạm, người chứng kiến.

2. Trường hợp phát hiện đồ vật cấm ở nơi chấp hành án phạt tù mà không xác định được đối tượng vi phạm hoặc đối tượng vi phạm không có mặt thì lập biên bản thu giữ đồ vật cấm và phải có 02 (hai) người chứng kiến ký biên bản, niêm phong (nếu cần) và tiến hành xác minh làm rõ để xử lý.

3. Cán bộ sau khi lập biên bản thu giữ đồ vật cấm phải bảo quản và báo cáo ngay Thủ trưởng cơ sở giam giữ để xác minh, xử lý theo quy định.

4. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm bố trí nơi lưu giữ, bảo quản và cán bộ quản lý đồ vật cấm không để mất mát, hư hỏng; việc giao, nhận đồ vật cấm phải lập biên bản và ghi chép vào sổ theo dõi đầy đủ.

Điều 6. Xử lý đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù

1. Đồ vật cấm khi bị thu giữ thì được xử lý như sau:

a) Đồ vật cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 4 Thông tư này thì ngay sau khi thu giữ, cơ sở giam giữ phạm nhân phải tiến hành kiểm tra, xác minh đồng thời thông báo và chuyển ngay hồ sơ, tài liệu, đồ vật có liên quan cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Đồ vật cấm quy định tại các khoản 4, 5 Điều 4 Thông tư này sau khi thu giữ phải tiến hành kiểm tra, xác minh; trường hợp có dấu hiệu tội phạm hoặc đồ vật mà cơ sở giam giữ phạm nhân không có khả năng kiểm tra, xác minh nội dung, dữ liệu bên trong thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ phạm nhân phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý theo quy định. Trường hợp không có dấu hiệu tội phạm, sau khi xử lý vi phạm, nếu đồ vật không có giá trị thì tổ chức tiêu hủy theo quy định; đối với đồ vật có giá trị thì niêm phong, bảo quản và bàn giao lại cho chủ sở hữu hoặc bàn giao cho phạm nhân sau khi chấp hành xong án phạt tù, đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hoặc bàn giao cho người có trách nhiệm nếu phạm nhân chuyển đến cơ sở giam giữ khác;

c) Đồ vật cấm quy định tại các khoản 6, 7, 8 Điều 4 Thông tư này, căn cứ vào kết quả họp Hội đồng xử lý đồ vật cấm, Thủ trưởng cơ sở giam giữ ra quyết định xử lý và tổ chức tiêu hủy theo quy định;

d) Đồ vật cấm quy định tại khoản 9 Điều 4 Thông tư này, sau khi thu giữ thì chuyển cho bộ phận lưu ký quản lý và trả lại cho phạm nhân sau khi chấp hành xong án phạt tù, đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện, tạm đình chỉ chấp hành

án phạt tù hoặc bàn giao cho người có trách nhiệm nếu phạm nhân chuyển đến cơ sở giam giữ khác hoặc bàn giao cho người thân thích theo đề nghị của phạm nhân;

đ) Đồ vật cấm quy định tại các khoản 10, 12 Điều 4 Thông tư này, sau khi thu giữ phải tiến hành kiểm tra, xác minh, lập hồ sơ trước khi tổ chức tiêu hủy;

e) Đồ vật cấm quy định tại khoản 11 Điều 4 Thông tư này, trong trường hợp phạm nhân tự nguyện giao nộp trước khi bị phát hiện thì được gửi lưu ký hoặc bàn giao cho người thân thích theo đề nghị của phạm nhân. Trường hợp bị phát hiện, thu giữ, đồ vật cấm được niêm phong, bảo quản, nếu xác định được chủ sở hữu thì sau khi xử lý vi phạm, bàn giao lại cho chủ sở hữu hoặc bàn giao cho phạm nhân sau khi chấp hành xong án phạt tù, đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù hoặc bàn giao cho người có trách nhiệm nếu phạm nhân chuyển đến cơ sở giam giữ khác. Trường hợp không xác định được chủ sở hữu thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ phạm nhân báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

g) Các đồ vật cấm có liên quan đến vụ án hình sự thì chuyển giao cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý đồ vật cấm bằng hình thức tiêu hủy do Hội đồng xử lý đồ vật cấm quyết định và tổ chức thực hiện. Hội đồng xử lý đồ vật cấm do Giám thị hoặc Phó Giám thị trại giam, trại tạm giam được ủy quyền làm Chủ tịch, các thành viên gồm Phó Giám thị, Chính trị viên, Đội trưởng Quản giáo, Đội trưởng Hỗ trợ tư pháp, Trợ lý giam giữ kiêm hồ sơ làm thư ký, Trợ lý giáo dục (nếu có), Trợ lý quân y hoặc nhân viên quân y, nhân viên tài chính. Đối với Phân trại thì Hội đồng do Phó Giám thị Trưởng phân trại làm chủ tịch, các thành viên gồm Phó Trưởng Phân trại, Đội trưởng Quản giáo, Đội trưởng Hỗ trợ tư pháp, Trợ lý giam giữ kiêm hồ sơ làm thư ký, nhân viên quân y, nhân viên tài chính.

Điều 7. Hồ sơ thu giữ, xử lý đồ vật cấm

1. Hồ sơ thu giữ, xử lý đồ vật cấm, gồm:

a) Biên bản vụ việc, biên bản thu giữ đồ vật cấm, biên bản niêm phong (nếu có), quyết định thu giữ đồ vật cấm;

b) Biên bản làm việc hoặc ghi lời khai người vi phạm, người liên quan và người biết việc (nếu có);

c) Bản tường trình, kiểm điểm của người vi phạm, người liên quan; báo cáo của người biết việc (nếu có);

d) Báo cáo của cán bộ phát hiện, thu giữ đồ vật cấm; báo cáo đề xuất hình thức xử lý;

đ) Thông báo kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

e) Biên bản họp Hội đồng xử lý kỷ luật phạm nhân, biên bản họp Hội đồng xử lý đồ vật cấm (nếu có);

g) Quyết định xử lý vi phạm;

h) Quyết định xử lý đồ vật cấm, biên bản xử lý đồ vật cấm (biên bản bàn giao, tiêu hủy đồ vật cấm);

i) Biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định);

k) Tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ, tài liệu thu giữ, xử lý đồ vật cấm phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ; quyết định xử lý vi phạm phải được lưu trong hồ sơ phạm nhân và hồ sơ vụ việc. Trường hợp chuyển giao hồ sơ cho cơ quan khác để giải quyết theo thẩm quyền thì sao lưu để lưu trữ theo quy định.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và thay thế Thông tư số 184/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định đồ vật cấm và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm đưa vào nơi chấp hành án phạt tù.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu